

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/DS-ST

Ngày 27/9/2025

V/v tranh chấp thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt

Ông Lý Tài Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ - Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 146/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Bình H, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Số C, đường N, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Số C, đường N, Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ) (được uỷ quyền theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 03/5/2024); (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Hoàng A - Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Địa chỉ: Số I, đường V, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là số I, đường V, Khóm C, phường

M, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T1, địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

2. Ông Trần Bình H1, địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

3. Ông Trần Bình H2, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện M: Chủ tịch UBND phường M, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt)

2. Ông Trần Bình N, địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị H3, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Bình N, bà Trần Thị H3: Ông Trần Bình H1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ) (được uỷ quyền theo giấy uỷ quyền ngày 08 và 09/5/2023); (có mặt)

4. Bà Lê Thị H4. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Đàm . Địa chỉ thường trú: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); Chỗ ở: Số A đường P, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 111/28/2 đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Bé L, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

7. Bà Trần Thị Bé N1, địa chỉ thường trú: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); Chỗ ở: Số A đường P, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 111/28/2 đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H4, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Bé L, bà Trần Thị Bé N1: Ông Trần Bình H, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

8. Ông Nguyễn Văn N2, địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (có mặt)

9. Bà Trần Ngọc H5, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

10. Ông Trần Bình S, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

11. Ông Trần Bình Đ1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

12. Bà Trần Ngọc T2, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

13. Bà Trần Thị O, địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

14. Ông Trần Bình M, địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

15. Ông Lâm Văn R, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

16. Bà Hồ Thị M1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

17. Ông Lâm Văn K, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

18. Bà Lâm Thị Ngọc K1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

19. Ông Lâm Chí C, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

20. Ông Tống Văn G, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

21. Bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

22. Ông Tống Thanh T3, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

23. Ông Tống Ngọc C1, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

24. Ông Tống Thanh T4, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

25. Ông Tống Thanh H6, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ); (vắng mặt)

26. Bà Tống Thị Á, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023 của nguyên đơn ông Trần Bình H, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông bà nội của ông Trần Bình H là cụ Trần Bình H7 (chết ngày 14 tháng 09 năm 1997, theo trích lục khai tử số 25/TLKT-BS do UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 26 tháng 12 năm 2022) và cụ Trần Thị S1 (chết ngày 18 tháng 04 năm 2000 theo trích lục khai tử số 26/TLKT-BS do UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 26 tháng 12 năm 2022), chung sống với nhau có tất cả 07 (bảy) người con, gồm có: 1. Trần Thị T1, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 2. Trần Bình T5; sinh năm: 1956 (mất năm 1972 không có vợ, không có con); Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 3. Trần Bình T6, sinh năm: 1960 (chết năm 2020, theo bản sao giấy trích lục khai tử số 63/TLKT-BS, do UBND xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 26 tháng 01 năm 2021, ông Trần Bình T6 có vợ là bà Lê Thị H4, các con là Trần Thị Đ; Trần Thị Bé L; Trần Bình H; Trần Thị Bé N1); 4. Trần Bình N3, sinh năm: 1962; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 5. Trần Thị H3, sinh năm: 1967; Địa chỉ: số D đường C, Phường A. Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; 6. Trần Bình H1, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 7. Trần Bình H2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Lúc còn sống cụ H7 và cụ S1 có tạo lập được các tài sản như sau: Thừa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.700m²; thửa đất tọa lạc tại đất tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và một thửa đất có diện tích khoảng 5.835m² thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với thửa đất số 137, lúc ông nội còn sống thì ông nội đã cắt một phần đất có diện tích 5.200m² cho chú ông H là ông Trần Bình H1, sinh năm: 1970. Do

chú Trần Bình H1 nuôi tôm thua lỗ nên đã chuyển nhượng lại cho cha tôi là ông Trần Bình T6, sinh năm: 1960 (đã mất năm 2020) sau đó cha ông H cũng do nuôi tôm thua lỗ nên cũng đã bán phần đất này đi. Đến năm 2002 do lúc này hoàn cảnh gia đình cha ông H khó khăn nên ông nội ông H là cụ H7 mới cho cha ông H là ông T6 một nền nhà khoảng 50m² và 1 phần đất khoảng 3.000m² để xây nhà ở có chỗ ở sinh sống từ đó gia đình cha tôi đã xây dựng một căn nhà cấp bốn sống ổn định cho đến nay. Phần còn lại của thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02 tầm khoảng hơn 10.000m² thì ông nội của ông H tạm giao cho chú ông H tên Trần Bình H2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng tạm quản lý cho đến nay trên phần đất này ông Trần Bình H2 cũng đã xây dựng một căn nhà cấp bốn trên đó.

Đối với thửa đất có diện tích khoảng 5.835m² thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng hiện tại thì do ông Trần Bình H1, sinh năm 1970 quản lý một phần và có xây dựng một căn nhà cấp bốn, canh tác nuôi tôm trên đất và phần còn lại do bà Trần Thị T1, sinh năm 1954 đang tạm quản lý sử dụng cũng đã xây dựng một căn nhà trên đất. do trước khi qua đời ông nội tôi là cụ Trần Bình H7 và bà nội tôi là cụ Trần Thị S1 không có lập di chúc hay để lại bất kỳ văn bản nào để định đoạt, phân chia các tài sản trên nên các thửa đất trên đều di sản thừa kế của ông, bà nội ông H để lại.

Nay ông H xét thấy Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.700m² thửa đất tọa lạc tại đất tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và một thửa đất có diện tích khoảng 5.835m² thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đều là di sản thừa kế của ông, bà nội ông H mất để lại nhưng đã được ông nội tôi tạm giao cho cha ông H và các cô chú tạm thời quản lý. Nhưng hiện nay người chủ ông H là ông Trần Bình H2, sinh năm: 1973 nhiều lần nhậu say về kiểm chuyện với gia đình ông H, chửi bới đòi lại phần đất mà ông nội ông nội đã cho cha ông H quản lý và sử dụng ổn định từ năm 2002, sự việc đã được ông H trình báo đến Ban nhân dân ấp Lê Văn X và UBND xã N có mời lên động viên hòa giải nhưng không thành, nhiều lần ông H cũng chủ động để nói chuyện với chú ông H để tiến hành bàn bạc, hợp mặt các cô, chú để quyết định phân chia di sản thừa kế là các thửa đất có nguồn gốc từ ông, bà nội ông H mất để lại để cho ổn định làm ăn nhưng không thành từ đó các bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Bình H7 và cụ Trần Thị S1 chết để lại gồm thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.700m², tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất diện tích khoảng 5.835m², tọa lạc

tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Văn R có một phần nằm trong thửa đất 21, tờ bản đồ số 11 và một phần nằm trong thửa số 27, thửa số 20, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Tống Văn G.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Văn R có một phần nằm trong thửa đất 21, tờ bản đồ số 11 và một phần nằm trong thửa số 27, thửa số 20, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Tống Văn G. Giữ nguyên nội dung yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Bình H7 và cụ Trần Thị S1 chết để lại gồm thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.700m², tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất diện tích khoảng 5.835m², tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nếu kỷ phần được hưởng nhiều hơn thì nguyên đơn chỉ yêu cầu được chia hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 2656,6m² là một phần của Thửa đất số 137 mà hiện nay nguyên đơn đang quản lý, sử dụng và đã xây dựng nhà ở.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2023, cũng như tại phiên tòa, ông Trần Bình H1 là bị đơn trình bày:

Ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Trần Bình H, cha mẹ ruột của ông H1 là ông Trần Bình H7, sinh năm 1915 chết năm 2000 và bà Trần Thị S1, sinh năm 1931 chết năm 2009 có 07 người con tên Trần Thị T1, Trần Bình T5 (chết năm 17 tuổi không có vợ con và cũng không có làm giấy chứng tử), Trần Bình T6 (chết năm 2020), Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2. Sinh thời cha mẹ ông H1 có chia đất cho các con trai mỗi người 04 công rồi, chỉ có bà T1, bà H3 là con gái có chồng đi thì không được chia, 03 người con trai được chia đất là ông H1, ông T6, ông N3 đều đã bán, riêng ông H2 là con trai út ở chung với cha mẹ từ nhỏ nên hưởng hết phần đất bên Lê Văn X, xã N hiện nay mà không có được chia 04 công như anh em, phần đất đã chia cho các con trai này là không liên quan đến đất tranh chấp mà ông H đòi chia thừa kế này. Còn phần đất ông H đòi chia thừa kế là của cha mẹ ông H1 là ông H7 và bà S1 là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất diện tích 5.835m², tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đối với Thửa đất 137 do cha ông H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Hoàng G1. Như ông H1 đã nói, khi cha mẹ ông H1 còn sống đã cho ông H1 04 công (diện tích 5.200m²) trong Thửa 137, tọa lạc tại ấp L, xã N. Sau đó ông H1 chuyển

nhượng lại cho ông Trần Bình T6, sau đó ông T6 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T7 và hiện ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng này rồi. Trong thửa 137 tọa lạc tại ấp L, xã N thì khi cha mẹ ông H1 còn sống thấy gia đình ông T6 khổ nên có cho một cái nền nhà cất nhà ở nhờ sau đó ông sau đó ông T6 được cấy nhà tình thương trên đây và cho ông T6 mượn một phần đất khoảng 3.000m² với giá 700.000 đồng/năm, nhưng cha mẹ ông H1 cũng không có lấy tiền mượn đất, do khi đó gia đình ông T6 khổ lắm, hiện đất này là cho ở nhờ nhưng sau khi ông T6 chết thì các con ông T6 cất căn nhà lớn hơn để lấn chiếm đất. Trong thửa đất 137 tọa lạc tại ấp L, xã N thì cha mẹ ông H1 sau khi chết để lại cho ông H2 là con trai út canh tác nay anh chị em ông H1 cũng đồng ý để cho ông H2 tiếp tục ở canh tác, còn đất đã chôn cất ông T6 thì cũng đồng ý để tiếp tục chôn cất ông T6, riêng nhà của các con ông T6 thì không đồng ý cho xây dựng như trên và phần đất các con ông T6 làm khoảng 3.000m² thì không đồng ý cho làm tiếp nữa mà trả lại cho ông H2 quản lý luôn. Đối với phần đất diện tích 5.835m², tọa lạc tại ấp S, xã T đất gốc của cha mẹ ông H1 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi còn sống cha mẹ ông H1 có di chúc là để lại cho các con ai chăm sóc mồ mả thì ở chứ không được sang bán, hiện ông H1 có xây dựng một căn nhà cấp 4 ở cùng vợ tên Trần Ngọc H5 và các con tên Trần Bình S, Trần Bình Đ1, Trần Ngọc T2 và sử dụng khoảng 2.500m² nuôi tôm và Trần Thị T1 ở đã xây dựng căn nhà cấp 4 và có một phần đất là đất mồ mả chôn cất cha mẹ ông H1, anh ông H1 tên T5, hai đứa con ông T6 chết cũng chôn ở đây. Đối với phần này thì ông H1 không đồng ý chia như ông H yêu cầu do đây là đất gốc ông bà để lại có di chúc cho các con ở, không đồng ý chia. Không có di chúc bên thửa đất 137 mà có di chúc bên diện tích 5.835m² di chúc này do ông Trần Bình T6 viết cho cha mẹ ông H1 lẫn tay hiện ông H1 đang giữ bản chính.

Tại tờ tường trình ngày 31/10/2024, cũng như tại phiên tòa, ông Trần Bình H2 trình bày: Nguyên cha ông H2 là ông Trần Bình H7, sinh năm 1915 (chết năm 1997) và mẹ ông H2 là bà Trần Thị S1, sinh năm 1931 (chết năm 2000) có 06 người con gồm: Bà Trần Thị H3, sinh năm 1967, bà Trần Thị T1, sinh năm 1955, ông Trần Bình H1, sinh năm 1968, ông Trần Bình H2, sinh năm 1972, ông Trần Bình T6, sinh năm 1970, ông Trần Bình N, sinh năm 1960. Cha mẹ ông H2 có 04 thửa đất gồm: 1. Thửa đất diện tích 6 công tầm 3 mét (tương đương 7.776m² đất trồng lúa (ONT+Lúa) tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 2. Thửa đất diện tích 5.835m² tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; 3. Thửa đất diện tích 4 công tầm 3 mét (tương đương 5184m²) đất tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Thửa đất diện tích 13.400m² tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1980, cha mẹ ông H2 có cho vợ chồng ông T6 và vợ là bà Lê Thị H4 1 thửa đất diện tích 6 công tầm 3 mét (tương đương 7.776m²) tọa lạc tại ấp S, xã T,

huyện M, tỉnh Sóc Trăng để hai vợ chồng ra ở riêng. Đến năm 1981, cha ông H2 cho ông Trần Bình H1 diện tích 4 công tầm 3 mét (tương đương 5184m²) đất tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 1985, thì cha ông H2 cho ông Trần Bình N diện tích 5.835m² tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Cùng năm 1985, ông N mới kêu ông H2 mua đất khác đổi với ông N. Nên ông H2 thấy đất của cha mẹ nên ông H2 đồng ý mua đất của ông L2 thường trú ấp L, xã N, đổi với ông N. Phần diện tích 5.835m² tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ông N đổi với ông H2. Ông H2 canh tác cho đến nay. Thừa đất còn lại cha mẹ ông H2 canh tác và sử dụng đến ngày 05/12/2000 thì gia đình ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00239/R 712809 do UBND huyện M cấp ngày 05/12/2000 do hộ ông Trần Bình H7 đứng tên, là Thừa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 13.400m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Cùng năm 2000, ông H2 là con trai út nên ở chung với cha mẹ ông H2, nên ông H2 cho ông Trần Bình T6 và vợ là bà Lê Thị H4 thuê một phần đất trong Thừa đất 137, tờ bản đồ số 02, với giá một năm là 700.000 đồng. Vợ chồng ông T6 trả tiền thuê có một năm, còn những năm sau đó vợ chồng ông T6 cũng khó khăn nên ông H2 không đòi tiền thuê đất cho đến nay. Đến năm 2019, thì con ông T6 là Trần Bình H cất nhà xây trên Thừa đất 137, tờ bản đồ số 02 mà ông T6 thuê của ông H2, nên ông H2 ra ngăn cản thì Trần Bình H bóp cổ ông H2 và còn thách ông H2 đi thừa. Thời điểm năm 2019, là lúc dịch bệnh Covid-19 nên đi lại khó khăn sống nay chết mai, nên ông H2 không có đi thừa nên vụ việc kéo dài cho đến nay. Hiện nay Thừa đất 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 13.400m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00239/R 712809 do UBND huyện M cấp ngày 05/12/2000 do hộ ông Trần Bình H7 đứng tên. Là phần đất diện tích của 3 chị em ông H2 gồm bà Trần Thị H3, bà Trần Thị T1, ông Trần Bình H2.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2023, cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị Tiến trình B: Với yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà T1 không đồng ý. Cha mẹ ruột của bà T1 là Trần Bình H7 (sinh năm 1915 - chết năm 2000) và Trần Thị S1 (sinh năm 1931 - chết năm 2009) có 07 người con gồm: Trần Thị T1, Trần Bình T5 (chết năm 17 tuổi không có vợ con và cũng không làm giấy chứng tử), Trần Bình T6(chết năm 2020), Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2. Sinh thời cha mẹ bà T1 có chia đất cho các con trai mỗi người 04 công rồi, chỉ có bà T1 và bà H3 là con gái thì không được chia thôi, 03 người con trai được chia đất là ông H1, ông T6, ông N3 đều đã bán, riêng ông H2 là con trai út ở chung với cha mẹ từ nhỏ nên hưởng hết phần đất bên Lê Văn X, xã N hiện nay mà không có được chia 04 công như anh em, phần đất đã chia cho các con trai này không liên quan đến đất tranh chấp mà ông H đòi chia thừa kế này. Còn phần đất ông H đòi chia thừa kế

là của cha mẹ bà T1 là ông H7 và bà S1 là Thừa đất số 137, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất diện tích 5.835m² tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đối với Thừa đất số 137 do cha bà T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Hoàng G1. Như bà T1 đã nói, khi cha mẹ bà T1 còn sống đã cho ông Trần Bình H1 04 công (diện tích 5.200m²) trong Thừa 137, tọa lạc tại ấp L, xã N, sau đó ông H1 chuyển nhượng lại cho ông Trần Bình T6, sau đó ông T6 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T7, hiện ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng này rồi. Trong Thừa 137 thì cha mẹ bà T1 khi còn sống thấy gia đình ông T6 khổ nên có cho một cái nền nhà cất nhà ở nhờ, sau đó ông T6 được cấp nhà tình thương trên đây và cho ông T6 mượn một phần đất khoảng 3.000m² với giá 700.000 đồng/năm nhưng cha mẹ bà T1 cũng không có lấy tiền mượn đất, do khi đó gia đình ông T6 khổ lắm, hiện đất này là cho ở nhờ nhưng sau khi ông T6 chết thì các con ông T6 cất căn nhà lớn hơn để lấn chiếm đất; trong Thừa 137 tọa lạc tại ấp L, xã N thì cha mẹ bà T1 sau khi chết để lại cho ông H2 là con trai út canh tác, nay chị em bà T1 cũng đồng ý để cho ông H2 tiếp tục ở canh tác, còn đất đã chôn cất ông T6 thì cũng đồng ý để tiếp tục chôn cất ông T6, riêng nhà của các con ông T6 thì không đồng ý cho xây dựng như trên và phần đất các con ông T6 làm khoảng 3.000m² thì không đồng ý cho làm tiếp nữa mà trả lại cho ông H2 quản lý luôn. Đối với phần đất diện tích 5.835m² tọa lạc tại ấp S, xã T đất gốc của cha bà T1 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi còn sống cha mẹ bà T1 có di chúc là để lại cho các con ai thờ cúng thì ở chứ không được sang bán, hiện ông Trần Bình H1 có xây dựng một căn nhà cấp 4 và nuôi tôm và bà T1 ở có xây dựng một căn nhà cấp 4 sống cùng chồng tên Nguyễn Văn N2 và có một phần đất mồ mả chôn cất cha mẹ bà T1, em bà T1 tên T5, hai người con của ông T6 chết cũng chôn ở đây. Đối với phần đất này thì bà T1 không đồng ý chia như ông H yêu cầu do đây là đất gốc ông bà để lại cho các con ở, không đồng ý chia.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của những người tham gia

tổ tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M thì từ ngày 01/7/2025 thì UBND cấp huyện kết thúc hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025. Tại điểm h khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, quy định về thẩm quyền của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện chuyển giao cho Chủ tịch UBND cấp xã, đã quy định: “*Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 và điểm d khoản 2 Điều 142 Luật đất đai*” và tại khoản 25 Điều 1 của Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường A, thị trấn M và xã D thành phường mới có tên gọi là phường M*”. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện M là Chủ tịch UBND phường M, thành phố Cần Thơ theo quy tại khoản 2 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Khoản 5 Điều 26; Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Mặc dù, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng người kế thừa quyền, nghĩa vụ của UBND phường M, thành phố Cần Thơ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bình N, bà Trần Ngọc H5, ông Trần Bình S, ông Trần Bình Đ1, bà Trần Ngọc T2, bà Trần Thị O, ông Trần Bình M, ông Lâm Văn R, bà Hồ Thị M1, ông Lâm Văn K, bà Lâm Thị Ngọc K1, ông Lâm Chí C, ông Tống Văn G, bà Nguyễn Thị L1, ông Tống Thanh T3, ông Tống Ngọc C1, ông Tống Thanh T4, ông Tống Thanh H6, bà Tống Thị Á vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H4, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Bé L, bà Trần Thị Bé N1 vắng mặt, nhưng có Nguyễn Văn T là người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo trích lục khai tử số 25 và 26/TLKT-BS ngày 26/12/2022 của UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì cụ ông Trần Bình H7 chết ngày 14/9/1997 và cụ bà Trần Thị S1 chết ngày 18/4/2000. Nên thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ H7 và cụ S1 phát sinh sau thời điểm Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực pháp luật. Do đó, áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết tranh chấp.

[5] Về nội dung: Cụ ông Trần Bình H7, sinh năm 1915 (chết ngày 14/9/1997) có vợ là cụ bà Trần Thị S1, sinh năm 1931 (chết ngày 18/4/2000). Sinh thời cụ H7 với cụ S1 có 07 người con chung gồm: Trần Thị T1, sinh năm 1954; Trần Bình T5; sinh năm: 1956 (chết năm 1972 không có vợ, không có con); Trần Bình T6, sinh năm: 1960 (chết năm 2020, có vợ là bà Lê Thị H4, các con là Trần Thị Đ; Trần Thị Bé L; Trần Bình H; Trần Thị Bé N1); Trần Bình N3, sinh năm: 1962; Trần Thị H3, sinh năm: 1967; Trần Bình H1, sinh năm: 1970; Trần Bình H2, sinh năm: 1973. Theo lời trình bày thống nhất của các bị đơn bà T1, ông H1, ông H2 và người liên quan bà H3 thì cụ H7 và cụ S1 chết không để lại di chúc định đoạt đối với Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại đất tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng có để lại di chúc định đoạt phần diện tích đất 5.835m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, bản di chúc này bằng văn bản nhưng không có người làm chứng và không có chứng thực, chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền. Mặt khác, cụ H7 chết năm 1997 và cụ S1 chết năm 2000 nhưng di chúc này được lập ngày 06/8/2002. Do đó, bản di chúc này không hợp pháp theo quy định tại Điều 653; Điều 655; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 678; điểm a Khoản 1 Điều 679; Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì di sản của cụ H7 và cụ S1 được thừa kế theo pháp luật và các ông bà Trần Thị T1, Trần Bình T6 (chết, có vợ là bà Lê Thị H4, các con là Trần Thị Đ; Trần Thị Bé L; Trần Bình H; Trần Thị Bé N1), Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2 đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất và có thừa kế thế vị, không thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 646 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[5] Sau khi chết cụ H7 và cụ S1 có để lại di sản là Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.700m² (Qua đo đạc thực tế diện tích là 13.400m²); thửa đất tọa lạc tại đất tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00239/R 712809 do UBND huyện M cấp ngày 05/12/2000 cho hộ ông Trần Bình H7 đứng tên và phần diện tích đất 5.835m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Theo chứng thư thẩm định giá số 23/08/36 do Công ty cổ phần T8 và thẩm định giá miền nam phát hành ngày 29/8/2023, thì giá đất lúa theo thị trường

là 83.000 đồng/m². Diện tích 2656,6m² đất có giá trị là 220.497.800 đồng. Diện tích 16.578,4m² đất có giá trị là 1.376.007.200 đồng.

[7] Ông Trần Bình T6 (chết ngày 12/10/2020 theo Trích lục khai tử số 63/TLKT-BS ngày 26/01/2021 của UBND xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng) có vợ là bà Lê Thị H4 và các người con gồm Trần Thị Đ, Trần Thị Bé L, Trần Bình H, Trần Thị Bé N1. Bà H4, bà Đ, bà L và bà N1 là mẹ và anh chị em của ông Trần Bình H đều đồng ý để lại kỷ phần thừa kế của ông T6 cho ông H được hưởng.

[8] Ông Trần Bình H là con của ông Trần Bình T6 là người thừa kế thế vị của ông T6 yêu cầu chia di sản của cụ H7 và cụ S1 thành 06 kỷ phần bằng nhau cho tất cả các đồng thừa kế là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Mỗi kỷ phần thừa kế sau khi chia thành 06 phần bằng nhau có diện tích là $5.835\text{m}^2 + 13.400\text{m}^2 : 6 = 3.205\text{m}^2$ đất, nhưng ông H chỉ yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là đất hiện đang quản lý sử dụng có diện tích 2.656,6m² nằm trong Thửa 137 là ít hơn một kỷ phần thừa kế được hưởng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Phần diện tích đất còn lại thuộc tài sản chung chưa chia của các ông bà Trần Thị T1, Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2.

[9] Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Văn R có một phần nằm trong Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11 và một phần nằm trong Thửa đất số 27, Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Tống Văn G, thì tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn rút lại yêu cầu này nên đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

[10] Từ những nhận định, phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tương ứng với kỷ phần được hưởng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a Khoản 1 Điều 37; điểm a Khoản 1 Điều 38; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 167; Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 653; Điều 655; Điều 660; điểm a Khoản 1 Điều 678; điểm a Khoản 1; Khoản 2 Điều 679; Điều 650; Điều 646 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Bình H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) cấp cho ông Lâm Văn R có một phần nằm trong thửa đất 21, tờ bản đồ số 11 và một phần nằm trong thửa số 27, thửa số 20, tờ bản đồ số 11 được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) cấp cho ông Tống Văn G.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bình H về việc chia thừa kế tài sản.

3. Chia và giao cho ông Trần Bình H phần đất có diện tích 2656,6m² là một phần của Thửa đất số 137, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ), có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của Thửa đất số 137 có số đo 169,28m + 33,40m;

- Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn N4 có số đo 86,36m + 72,81m + 39,92m;

- Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn N4 có số đo 9,30m;

- Hướng Đông giáp lề đường bê tông có số đo 10,46m + 3,23m.

(Kèm theo bản vẽ sơ đồ vị trí)

4. Chia và giao cho các ông bà Trần Thị T1, Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2 phần diện tích đất còn lại thuộc tài sản chung chưa chia gồm diện tích đất 5.835m², tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ và diện tích đất 10.743,4m² còn lại của Thửa 137, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ).

(Kèm theo bản vẽ sơ đồ vị trí)

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền 46.958.190 đồng, ông Trần Bình H phải chịu số tiền 7.826.365 đồng. Các ông bà Trần Thị T1, Trần Bình N3, Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2 phải chịu số tiền 39.131.825 đồng và nộp để trả ông Trần Bình H đã nộp tạm ứng trước.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T1, ông Trần Bình N3 được miễn án phí sơ thẩm.
- Buộc ông Trần Bình H phải chịu số tiền là 11.024.890 đồng án phí sơ thẩm.
- Buộc ông bà Trần Thị H3, Trần Bình H1, Trần Bình H2 phải chịu số tiền là 31.968.130 đồng án phí sơ thẩm.

7. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Lê Vũ Huy Hoàng